

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TCN22B**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH01074**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục thể chất**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201201478	Châu Chí Bình	05/10/2007				9	7.0	7.0			6.0		6.6
2	2256201201479	Phạm Quốc Duy	10/10/2007				8	7.0	7.0			0.0	0.0	2.9
3	2256201201480	Nguyễn Tấn Đạt	18/07/1996				9	7.0	9.0			8.0		8.1
4	2256201201481	Trần Thành Đạt	05/07/2005				7	9.0	9.0			7.0		7.6
5	2256201201483	Lương Anh Kiệt	09/09/2007				8	7.0	6.0			7.0		6.9
6	2256201201484	Trần Trịnh Quốc Kỳ	02/07/2007				9	10.0	6.0			5.0		6.3
7	2256201201485	Nguyễn Thành Lợi	05/07/2001				9	10.0	5.0			5.0		6.1
8	2256201201486	Trần Yên Nhi	20/09/2004				9	7.0	10.0			9.0		8.8
9	2256201201490	Lê Anh Thư	31/01/2007				9	8.0	6.0			6.0		6.6
10	2256201201492	Trần Minh Trí	12/04/2007				9	10.0	6.0			6.0		6.9
11	2256201201494	Lê Thị Đông	20/08/1992				8	10.0	9.0			8.0		8.5
12	2256201201495	Võ Hải Khoa	09/09/2007				7	8.0	6.0			7.0		7.0
13	2256201201496	Cao Chánh Thông	21/08/2007				8	9.0	5.0			5.0		5.9
14	2256201201497	Nguyễn Chấn Hưng	04/09/1998											M
15	2256201201498	Nguyễn Văn Sang	22/05/2007				9	9.0	6.0			5.0		6.1

Châu Đốc, ngày 18 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm